

Bản án số: **39/2025/HS-ST**
Ngày: 05/8/2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC B - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Phước Mãng.

2. Bà Phạm Thị Kim Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Nh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 1) xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 98/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2025/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn T1**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1994; Tại: TM; Nơi ĐKNKTT: Không nơi đăng ký thường trú; Nơi ở: Không nơi ở nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Văn M, sinh năm: 1957 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1961; Anh chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là con nhỏ nhất; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Ngày 16 tháng 9 năm 2011, bị Tòa án nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 137/2011/HSST. Ngày 02 tháng 4 năm 2012, bị can chấp hành xong hình phạt tù theo Giấy chứng nhận số 343/GCN của Trại giam AP – Tổng cục T. Ngày 27/8/2012, bị cáo đã nộp án phí hình sự sơ thẩm.

+ Ngày 05 tháng 02 năm 2018, bị Tòa án nhân dân Quận S Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng theo Quyết định số 58/QĐ-TA. Ngày 27/02/2019, chấp hành xong theo Giấy chứng nhận số 147/GCN-CS1 của Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 – Lực lượng thanh niên xung phong TM.

+ Ngày 08 tháng 11 năm 2019, bị Tòa án nhân dân Quận T Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 19 tháng theo Quyết định số 522/QĐ-TA. Ngày 25/3/2021, chấp hành xong theo Giấy chứng nhận số 54/GCN-CSPĐ của Cơ sở cai nghiện ma túy PĐ – Sở Lao động Thương binh và Xã hội.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29 tháng 11 năm 2024, tạm giam từ ngày 05 tháng 12 năm 2024. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thanh T2**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1996; Tại: Tỉnh TG; Nơi ĐKNKTT: Tổ MM, ấp B, xã Hòa H, huyện CB, tỉnh TG; Địa chỉ mới: Tổ MM ấp B, xã An H, tỉnh ĐT; Nơi ở: Không nơi ở nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Đắc Th, sinh năm: 1970 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1976; Anh chị em ruột: Không có; Chồng: Chưa có; Con: Nguyễn Ngô Tuyệt M, sinh năm: 2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29 tháng 11 năm 2024, tạm giam từ ngày 05 tháng 12 năm 2024. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Trần Minh Đ, sinh năm 2006.

Địa chỉ: 55/1B Đường Lý CH, phường Bình P, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phan S1, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp Bình T2, xã Đức H, tỉnh TN. (vắng mặt)

2. Anh Ngô B2, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Nhà trọ Cẩm N, ấp Bình T2, xã Đức L, tỉnh TN. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 19/11/2024, Trần Văn T1 gọi điện rủ Nguyễn Thanh T2 từ TG lên TM chơi. T2 đồng ý nên điều khiển xe mô tô biển số 83P4-492.29 chạy từ TG đến nhà trọ của T1 tại địa chỉ nhà không số, Lô 1/9, Ấp H, xã Lê X, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến nơi, T1 điều khiển xe của T2 chở T2 đi AL chơi. Đến khoảng 9 giờ ngày 20/11/2024, T1 chở T2 lên TM qua nhiều tuyến đường khác nhau. Khi lưu thông đến trước số 65 Lý CH, Phường M, Quận S, T1 phát hiện anh Trần Minh Đ đi bộ phía trước và đang sử dụng điện thoại. Do không có tiền tiêu xài nên T1 nảy sinh ý định chiếm đoạt để bán lấy tiền, lúc này T1 nói với T2 và rủ T2 giật điện thoại của anh Đ, T2 đồng ý. T1 liền điều khiển xe áp sát cùng chiều bên trái của anh Đ để T2 ngồi sau dùng tay phải giật điện thoại di động của anh Đ, rồi T1 nhanh chóng tăng ga tẩu thoát. Sau khi bị giật điện thoại, anh Đ đến Công an Phường M, Quận S trình báo.

Qua truy xét từ hình ảnh camera, Cơ quan Công an đã mời Trần Văn T1 và Nguyễn Thanh T2 đến làm việc. T1 và T2 thừa nhận hành vi phạm tội nên vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận S tiến hành bắt khẩn cấp đối với T1 và T2.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Văn T1 và Nguyễn Thanh T2 khai nhận: Sau khi T2 giật được điện thoại thì T1 chở T2 bỏ chạy qua nhiều tuyến đường khác nhau, hướng về huyện Đức H, tỉnh AL để tìm nơi tiêu thụ tài sản. Khi đến cửa hàng điện thoại di động tại ấp Bình T2, xã Đức H, huyện Đức H, tỉnh AL, T2 là người trực tiếp bán chiếc điện thoại vừa giật được cho anh Phan S1 với giá 2.500.000 đồng nhưng không nói là tài sản do phạm tội mà có. Sau khi bán xong, T2 đưa toàn bộ 2.500.000 đồng cho T1. T1 chia cho T2 1.000.000 đồng và giữ lại 1.500.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Sau đó, T1 điều khiển xe mô tô biển số 83P4-492.29 chở T2 về lại nhà không số, Lô 1/9, ấp H, xã Lê X, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi bị Công an mời làm việc.

Đối với anh Phan S1 (chủ cửa hàng điện thoại di động đã mua điện thoại của T1 và T2) khai nhận: Khi mua điện thoại, T2 nói là điện thoại của người em, lâu ngày không sử dụng nên điện thoại bị khóa. Anh Sơn mua điện thoại với mục đích là lấy linh kiện trong điện thoại, không biết điện thoại T2 bán là tài sản do T2 và T1 cướp giật mà có.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 03/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Quận S, kết luận: 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax, màu đen, dung lượng 128Gb có trị giá là 8.400.000 đồng.

** Vật chứng đã thu giữ:*

- 01 USB hiệu Kingston video ghi nhận hình ảnh T1 điều khiển xe mô tô chở T2 áp sát giật chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax của anh Đ tại trước 65 Lý CH, Phường M, Quận S (do Công an Phường M, Quận S cung cấp).

- 01 USB màu tím, trên thân có chữ DT101 G2 32GB chứa hình ảnh T1 và T2 đến bán điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax tại trước địa chỉ ấp Bình T2, xã Đức H, huyện Đức H, tỉnh AL (do bà Cao Thị M cung cấp).

- 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax màu đen, số Imei 356487141612332. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Trần Minh Đ (bút lục 244, 245).

- 01 xe mô tô hiệu Winner biển số 83P4-492.29, số khung RLHKC2603JY005425, số máy KC26E1251196.

- 01 nón kết màu đỏ, có chữ Gucci màu vàng; 01 áo thun ngắn màu đen, ngực trái của áo có hoa văn màu trắng; 01 quần tây dài, màu đen; 01 bao tay dài màu đen. Đây là trang phục T2 mặc khi đi cướp giật tài sản.

- 01 áo thun màu xanh tay dài, ngực trái áo có vòng tròn màu trắng, có chữ NIKE PRO; 01 quần jean dài, màu xám; 01 nón kết màu trắng, hoa văn màu

đen, có sọc xanh đỏ hai bên nón. Đây là trang phục T1 mặc khi đi cướp giật tài sản.

** Về trách nhiệm dân sự:* Anh Phan S1 và anh Trần Minh Đ không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tại Cáo trạng số: 79/CT-VKS-QS ngày 16 tháng 6 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Trần Văn T1 và Nguyễn Thanh T2 về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2, Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trong Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực B, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Trần Văn T1 và Nguyễn Thanh T2 như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Trần Văn T1 từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội «Cướp giật tài sản» theo điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Nguyễn Thanh T2 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội «Cướp giật tài sản» theo điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có khả năng thi hành.

- Về bồi thường thiệt hại: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường, nên không đề nghị giải quyết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu trả lại số tiền đã mua điện thoại của các bị cáo.

Tịch thu sung vào quỹ Nhà nước số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng, bị cáo Trần Văn T1 và bị cáo Nguyễn Thanh T2 cùng tỏ thái độ ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của các bị cáo nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử phạt các bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội cải tạo thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng

hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Trần Văn T1 và bị cáo Nguyễn Thanh T2 tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại Cơ quan điều tra; Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; Kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HĐĐGTS ngày 03/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Quận S cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Trần Văn T1 và bị cáo Nguyễn Thanh T2 đã cùng nhau dùng xe mô tô biển số 83P4-492.29 làm phương tiện để cướp giật 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax màu đen trị giá 8.400.000 đồng của anh Trần Minh Đ, tại trước nhà số 65 Lý CH, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh vào khoảng khoảng 9 giờ ngày 20/11/2024. Hành vi của các bị cáo Trần Văn T1 và Nguyễn Thanh T2 đã phạm tội «Cướp giật tài sản». Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn T1 và bị cáo Nguyễn Thanh T2 là nguy hiểm cho xã hội và có tính chất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội một cách liều lĩnh, manh động vào ban ngày, ngay tại địa điểm có nhiều người qua lại, việc các bị cáo sử dụng phương tiện là xe gắn máy để đi cướp giật tài sản và tẩu thoát có thể dẫn đến tai nạn giao thông, gây nguy hiểm cho tính mạng, sức khỏe của bị hại, của những người tham gia lưu thông nơi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an xã hội. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận S (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực B) truy tố các bị cáo về tội «Cướp giật tài sản» thuộc trường hợp «Dùng thủ đoạn nguy hiểm» theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật;

Bị cáo Trần Văn T1 và bị cáo Nguyễn Thanh T2 là người đã trưởng thành, các bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi cướp giật tài sản nguy hiểm cho xã hội và trái pháp luật, nhưng do động cơ vụ lợi cá nhân, lười lao động, muốn có tiền mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, bất chấp hậu quả nguy hiểm có thể xảy ra, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

Trong vụ án này, các bị cáo có bàn bạc, thống nhất việc cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp phạm tội có đồng phạm giản đơn theo khoản 1, khoản 3 của Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015. Trong đó, bị cáo Trần Văn T1 là người rủ rê và là người trực

tiếp điều khiển xe máy chở bị cáo T2 đi tìm tài sản để cướp giật, khi T2 giật được tài sản thì T1 đã chở T2 đi tìm nơi tiêu thụ tài sản. Ngoài ra, bị cáo Trần Văn T1 có nhân thân xấu.

Bị cáo Nguyễn Thanh T2 là đồng phạm giúp sức tích cực, T2 đã cung cấp phương tiện và trực tiếp giật điện thoại của bị hại.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với mức độ nguy hiểm mà hành vi của từng bị cáo, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và để phòng ngừa chung, góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực B đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo Trần Văn T1 và bị cáo Nguyễn Thanh T2 còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 triệu đồng. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo không có việc làm nên không có khả năng thi hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng tại Cơ quan điều tra, bị hại đã được nhận lại tài sản và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có biên bản ghi lời khai xác nhận về việc không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét. (BL 60, 61, 117).

[8] Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với số tiền bị cáo Trần Văn T1 thu lợi bất chính là 1.500.000 đồng và số tiền bị cáo T2 đã thu lợi bất chính là 1.000.000 đồng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[9] Về xử lý vật chứng:

- 01 USB hiệu Kingston video ghi nhận hình ảnh T1 điều khiển xe mô tô chở T2 áp sát giật chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax của anh Đ tại trước 65 Lý CH, Phường M, Quận S (do Công an Phường M, Quận S cung cấp); 01 USB màu tím, trên thân có chữ DT101 G2 32GB chứa hình ảnh T1 và T2 đến bán điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax tại trước địa chỉ ấp Bình T2, xã Đức H, huyện Đức H, tỉnh AL (do bà Cao Thị M cung cấp) là chứng cứ của vụ án nên được lưu vào hồ sơ.

- Xét 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax màu đen, số Imei 356487141612332. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Trần Minh Đ (bút lục 244, 245) nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

- Xét 01 xe mô tô hiệu Winner biển số 83P4-492.29, số khung RLHKC2603JY005425, số máy KC26E1251196. Xe do anh Ngô B2 (sống chung như vợ chồng, không đăng ký kết hôn với T2) đứng tên chủ sở hữu. Anh B2 cho T2 mượn để sử dụng, không biết T2 sử dụng xe để đi cướp giật tài sản nên trả lại cho anh Ngô B2.

- Xét 01 nón kết màu đỏ, có chữ Gucci màu vàng; 01 áo thun ngắn màu đen, ngực trái của áo có hoa văn màu trắng; 01 quần tây dài, màu đen; 01 bao tay dài màu đen, là trang phục T2 mặc khi đi cướp giật tài sản; 01 áo thun màu xanh tay dài, ngực trái áo có vòng tròn màu trắng, có chữ NIKE PRO; 01 quần jean dài, màu xám; 01 nón kết màu trắng, hoa văn màu đen, có sọc xanh đỏ hai bên nón, là trang phục T1 mặc khi đi cướp giật tài sản.

Đây là những vật không còn giá trị sử dụng nên tiêu hủy.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/02/2025 của Công an Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 20/6/2025 giữa Công an TM và Chi cục Thi hành án dân sự Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh BL 247, 247c).

[10] Về án phí: Bị cáo Trần Văn T1 và bị cáo Nguyễn Thanh T2, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 04 (bốn) năm tù về tội «Cướp giật tài sản». Thời hạn tù tính từ ngày 29/11/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T2 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội «Cướp giật tài sản». Thời hạn tù tính từ ngày 29/11/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với số tiền bị cáo Trần Văn T1 thu lợi bất chính là 1.500.000 đồng;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với số tiền bị cáo Nguyễn Thanh T2 đã thu lợi bất chính là 1.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

01 USB hiệu Kingston video ghi nhận hình ảnh T1 điều khiển xe mô tô chở T2 áp sát giật chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax của anh Đ tại trước 65 Lý CH, Phường M, Quận S (do Công an Phường M, Quận S cung cấp); 01 USB màu tím, trên thân có chữ DT101 G2 32GB chứa hình ảnh T1 và T2 đến bán điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax tại trước địa chỉ ấp Bình T2, xã Đức H, huyện Đức H, tỉnh AL (do bà Cao Thị M cung cấp) là chứng cứ của vụ án nên được lưu vào hồ sơ.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự :

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

01 nón kết màu đỏ, có chữ Gucci màu vàng; 01 áo thun ngắn màu đen, ngực trái của áo có hoa văn màu trắng; 01 quần tây dài, màu đen; 01 bao tay dài màu đen; 01 áo thun màu xanh tay dài, ngực trái áo có vòng tròn màu trắng, có chữ NIKE PRO; 01 quần jean dài, màu xám; 01 nón kết màu trắng, hoa văn màu đen, có sọc xanh đỏ hai bên nón.

- Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Trả lại cho anh Ngô B2 01 xe mô tô hiệu Winner biển số 83P4-492.29, số khung RLHKC2603JY005425, số máy KC26E1251196. Xe do anh Ngô B2 đứng tên chủ sở hữu.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/02/2025 của Công an Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 20/6/2025 giữa Công an TM và Chi cục Thi hành án dân sự Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh BL 247, 247c).

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Văn T1 phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thanh T2 phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

Điều 7, Điều 7a, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo Trần Văn T1, bị cáo Nguyễn Thanh T2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Phan S1, anh Ngô B2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực B;
- Công an TM;
- TAND TM;
- Trại tạm giam CH –
Phân trại tạm giam khu vực Quận S;
- Trại tạm giam CH –
Phân trại tạm giam khu vực Quận N;
- Thi hành án dân sự TM;
- Sở Tư pháp TM;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị T